

THÔNG BÁO

Về chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC cung cấp Dịch vụ công năm 2024

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2024;

Theo số liệu tổng hợp, thống kê các chỉ số cải cách TTHC của Bộ chỉ số 766 trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://quantri.dichvucong.gov.vn>);

Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết quả như sau:

1. Về đánh giá, xếp hạng theo Bộ chỉ số 766 đối với các sở, ban, ngành tỉnh

TT	Đơn vị	Xếp hạng Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg (Ngày 17/12/2024)		Ghi chú
		Điểm	Xếp hạng	
1	Sở Ngoại vụ	95,38	01/18	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95,17	02/18	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	94,48	03/18	
4	Sở Y tế	94,19	04/18	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	94	05/18	
6	Sở Tư pháp	93,38	06/18	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	93,27	07/18	
8	Sở Xây dựng	91,06	08/18	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	90,47	09/18	

TT	Đơn vị	Xếp hạng Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg (Ngày 17/12/2024)		Ghi chú
		Điểm	Xếp hạng	
10	Sở Công Thương	90,36	10/18	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,19	11/18	
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	85,28	12/18	
13	Ban Quản lý Khu kinh tế	83,29	13/18	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	82,89	14/18	
15	Sở Nội vụ	72,31	15/18	
16	Sở Giao thông vận tải	66,99	16/18	
17	Sở Tài chính	-	17/18	<i>Không nhập dữ liệu giải quyết TTHC lên DVC</i>
18	Ban Dân tộc	-	-	<i>Không có TTHC thuộc thẩm quyền</i>

2. Về đánh giá, xếp hạng theo Bộ chỉ số 766 tại UBND xã huyện, thị xã, thành phố

TT	Đơn vị	Xếp hạng Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg (Thời điểm ngày 17/12/2024)		Ghi chú
		Điểm	Xếp hạng	
1	Lộc Ninh	92,84	01/11	
2	Phước Long	92,44	02/11	
3	Hớn Quản	90,33	03/11	
4	Đồng Xoài	89,64	04/11	
5	Bình Long	85,41	05/11	

TT	Đơn vị	Xếp hạng Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg (Thời điểm ngày 17/12/2024)		Ghi chú
		Điểm	Xếp hạng	
6	Chơn Thành	83,6	06/11	
7	Phú Riềng	81,88	07/11	
8	Bù Đăng	79,52	08/11	
9	Bù Đốp	77,73	09/11	
10	Đồng Phú	77,5	10/11	
11	Bù Gia Mập	76,12	11/11	

* Riêng đối với các chỉ tiêu theo Quyết định 127 của UBND tỉnh do DVC quốc gia đánh giá chưa đạt, các đơn vị và địa phương tiến hành rà soát, đối chiếu dữ liệu giữa Hệ thống DVC tỉnh và DVC quốc gia để đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương đồng bộ lại dữ liệu giữa hai Hệ thống theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh¹ (Có phụ lục đính kèm theo).

3. Về kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC năm 2024 (thể hiện trên Cổng DVC tỉnh tính đến ngày 17/12/2024)

- Tổng hồ sơ tiếp nhận của tỉnh: 480.499 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 459.133 hồ sơ.
- + Tổng số hồ sơ đúng hạn: 457.133 hồ sơ (Đạt tỷ lệ 99,57% so với tổng hồ sơ đã giải quyết).
- + Tổng số hồ sơ trễ hạn: 2.000 hồ sơ (chiếm 0,43% so với tổng hồ sơ đã giải quyết).

Trong đó: các đơn vị có số lượng hồ sơ trễ hạn trên 30 hồ sơ, gồm:

- Cấp sở: Giao thông Vận tải (171); TN&MT (74); Tư pháp (55);
- Các Chi nhánh Văn phòng ĐĐ: Đồng Phú (225); Chơn Thành (108); Hớn Quản (91); Lộc Ninh (54);
- Cấp huyện: Đồng Phú (98); Hớn Quản (35); Phú Riềng (222); Bù Gia Mập (91); Lộc Ninh (72);

¹ Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tại các văn bản: Công văn số 4013/UBND-KSTTHC ngày 07/11/2023, Công văn số 4630/UBND-KSTTHC ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh, Công văn số 4677/UBND-KSTTHC ngày 25/12/2023, Công văn số 152/UBND-KSTTHC ngày 12/01/2024, Công văn số 796/UBND-KSTTHC ngày 06/3/2024, Công văn số 3402/UBND-KSTTHC ngày 21/8/2024, Công văn số 5311/UBND-KSTTHC ngày 18/12/2024.

- Cấp xã: Phú Trung (Phú Riêng): 33 hồ sơ; Phú Nghĩa (Bù Gia Mập): 34 hồ sơ.

(Có thể có phụ lục chi tiết đính kèm).

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, kiểm tra và xử lý số lượng hồ sơ quá hạn còn tồn đọng theo đúng quy định. Tổng hợp kết quả báo cáo cụ thể gửi về Văn phòng UBND tỉnh **trước ngày 01/01/2025** để báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Thông báo kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công năm 2024 và mức độ hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ theo Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU theo QUYẾT ĐỊNH SỐ 127/QĐ-UBND NGÀY 16/01/2024
CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-VPUBND ngày /12/2024 của Văn phòng UBND tỉnh
Thời điểm xuất dữ liệu vào ngày 26/11/2024 - phục vụ Lãnh đạo UBND tỉnh dự chỉ đạo đánh giá, phân loại
cán bộ chủ chốt các đơn vị và địa phương)*

PHẦN I - ĐÁNH GIÁ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

TT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Sở GTVT		Sở TNMT		Sở KHĐT		Sở LĐTBXH		Sở VHTTDL		Sở Ngoại vụ	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	90	56	Chưa đạt	37	Chưa đạt	94	Đạt	90	Đạt	95	Đạt	100	Đạt
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	70	92	Đạt	80	Đạt	66,22	Chưa đạt	95	Đạt	91	Đạt	100	Đạt
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	80	37	Chưa đạt	71	Chưa đạt	72	Chưa đạt	96	Đạt	84	Đạt	93,75	Đạt
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	90	42	Chưa đạt	71	Chưa đạt	67,68	Chưa đạt	96	Đạt	85	Chưa đạt	93,33	Đạt
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	42	Chưa đạt	71	Chưa đạt	71,95	Chưa đạt	96	Chưa đạt	85	Chưa đạt	93,75	Chưa đạt
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	60	12	Chưa đạt	98,8	Đạt	5,93	Chưa đạt	99,82	Đạt	99,7	Đạt	100	Đạt
7	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	%	100	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	100	Đạt	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	100	Đạt
8	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	100	24	Chưa đạt	100	Đạt	92,78	Chưa đạt	41	Chưa đạt	100	Đạt	100	Đạt

TT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Số GTVT		Số TNMT		Số KHĐT		Số LĐTBXH		Số VHTTDL		Số Ngoại vụ	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
9	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
10	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	94	Chưa đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
11	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
Mức độ hoàn thành chỉ tiêu 127:				27,3%		54,5%		45,5%		72,7%		73%		95%	

TT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Số NNPTNT		Số GDDT		Số Y tế		Số KHCN		Số TTTT		Số Công Thương	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	90	87,1	Chưa đạt	69	Chưa đạt	75	Chưa đạt	90	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	70	99,27	Đạt	0,17	Chưa đạt	81	Đạt	98,7	Đạt	79	Đạt	40,72	Chưa đạt
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	80	94,9	Đạt	89	Đạt	90	Đạt	74	Chưa đạt	82	Đạt	100	Đạt
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	90	94,69	Đạt	90	Đạt	86,89	Chưa đạt	75,25	Chưa đạt	80,85	Chưa đạt	99,97	Đạt

TT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Số NNPTNT		Số GDĐT		Số Y tế		Số KHCN		Số TTTT		Số Công Thương	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	94,69	Chưa đạt	90	Chưa đạt	88,59	Chưa đạt	75,25	Chưa đạt	80,85	Chưa đạt	50,91	Chưa đạt
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	60	99,59	Đạt	100	Đạt	99,68	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
7	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	%	100	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt
8	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Công dịch vụ công quốc gia.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
9	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
10	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	99,46	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
11	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
Mức độ hoàn thành chỉ tiêu 127:				95%				63,6%		63,60%		72,7%		72,7%	

TT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Sở Nội vụ		Sở Tư pháp		Sở Xây dựng		Ban QLKKT		Tài chính		Ban Dân tộc	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	90	95,8	Đạt	55	Chưa đạt	100	Đạt	67,4	Chưa đạt	Không có hồ sơ trực tuyến	Không có hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết		
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	70	33,3	Chưa đạt	100	Đạt	92,88	Đạt	70	Đạt				
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	80	85,5	Đạt	67,1	Chưa đạt	88,8	Đạt	79,2	Chưa đạt				
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	90	88,59	Chưa đạt	68,43	Chưa đạt	90,93	Đạt	79,17	Chưa đạt				
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	86,6	Chưa đạt	93,3	Chưa đạt	90,93	Chưa đạt	79,17	Chưa đạt				
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	60	97,69	Đạt	69,18	Đạt	100	Đạt	100	Đạt				
7	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	%	100	-	Chưa đạt	-	Chưa đạt	100	Đạt	100	Đạt				
8	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	100	27,48	Chưa đạt	100	Đạt	72,07	Chưa đạt	50,73	Chưa đạt				
9	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt				
10	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	100	Đạt	99,96	Đạt	100	Đạt	100	Đạt				
11	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt				
Mức độ hoàn thành chỉ tiêu 127:				54,5%		54,5%		81,8%		54,5%		-		-	

PHẦN II - ĐÁNH GIÁ TẠI UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

STT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Phú Riêng		Đồng Xoài		Phước Long		Bù Đăng		Bù Gia Mập	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	60	71,68	Đạt	77,87	Đạt	55,21	Chưa đạt	71,92	Đạt	67,19	Đạt
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	70	49,6	Chưa đạt	84,2	Đạt	63,6	Chưa đạt	50,2	Chưa đạt	47,8	Chưa đạt
3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	85	77,16	Chưa đạt	87,76	Đạt	88,68	Đạt	63,33	Chưa đạt	65,23	Chưa đạt
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	90,56	Chưa đạt	95,01	Chưa đạt	94,84	Chưa đạt	77,89	Chưa đạt	76,76	Chưa đạt
5	Tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	60	69,44	Đạt	21,66	Chưa đạt	72,91	Đạt	68,22	Đạt	76,37	Đạt
7	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	100	52,82	Chưa đạt	100	Đạt	92,33	Chưa đạt	48,8	Chưa đạt	48,09	Chưa đạt
8	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt

STT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Phú Riêng		Đồng Xoài		Phước Long		Bù Đăng		Bù Gia Mập	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
9	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	97,97	Đạt	83,05	Chưa đạt	98,53	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)	%	95	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
Mức độ hoàn thành Quyết định 127				60%		70%		60%		60%		60%	

STT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Bình Long		Lộc Ninh		Bù Đốp		Chơn Thành		Hớn Quản		Đồng Phú	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	60	68,55	Đạt	60,7	Đạt	44,11	Chưa đạt	57,31	Chưa đạt	54,83	Chưa đạt	41,61	Chưa đạt
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	70	77	Đạt	64,7	Chưa đạt	81,2	Đạt	40,2	Chưa đạt	75,2	Đạt	39,7	Chưa đạt
3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	85	82,02	Chưa đạt	89,57	Đạt	74,71	Chưa đạt	61,01	Chưa đạt	81,69	Chưa đạt	48,25	Chưa đạt
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100	82,83	Chưa đạt	92,65	Chưa đạt	78,38	Chưa đạt	66,52	Chưa đạt	81,97	Chưa đạt	83,34	Chưa đạt

STT	Nhiệm vụ	Chỉ tiêu		Bình Long		Lộc Ninh		Bù Đốp		Chơn Thành		Hớn Quản		Đồng Phú	
		ĐVT	127	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá	Kết quả	Đánh giá
5	Tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	60	92,11	Đạt	83,24	Đạt	82,8	Đạt	76,12	Đạt	88,55	Đạt	54,84	Chưa đạt
7	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	%	100	54,3	Chưa đạt	89,43	Chưa đạt	38,82	Chưa đạt	85,7	Chưa đạt	100	Đạt	63,73	Chưa đạt
8	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
9	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	99,61	Đạt
10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)	%	95	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt	100	Đạt
Mức độ hoàn thành Quyết định 127				70%		70%		60%		50%		70%		40%	

* Nguồn dữ liệu: Được truy xuất, đánh giá từ Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://quantri.dichvucong.gov.vn/>), ngày 26/11/2024.